

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH Q N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 07 - 9 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản chung khi ly hôn và  
tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Q N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Hùng

*Các thẩm phán:* Bà Trịnh Thị Thu Lan

Ông Nguyễn Đức Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Thương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Q N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q N tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên .

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Q N mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện NH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 536/TB-TA ngày 10/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H L - sinh năm 1976

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn V T- sinh năm 1975

Cùng cư trú tại tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A

Địa chỉ: Số 25 đường Trần Hưng Đạo, quận H K, Thành phố H N.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Đình K – Phó Tổng Giám đốc.

Ông Vũ Đình K ủy quyền lại cho ông Nguyễn C T – chuyên viên chính và ông Vũ T D – chuyên viên xử lý nợ Miền Trung Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A.

Địa chỉ: Số 111 đường Phan Chu Trinh, thành phố Q N, tỉnh Q N.

(Theo văn bản ủy quyền số 10044/2020/UQ-Seabank ngày 28/7/2020).

2. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B.

Địa chỉ: Số 31 đường Nguyễn Kim Vang, tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn V T – Giám đốc.

*Người kháng cáo:* Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Bà L, ông T, ông D có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20/12/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị H L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn V T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đắk Nang, huyện K N, tỉnh Đ L vào ngày 01/8/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T xúc phạm, đánh bà. Năm 2011-2012, ông T đánh bà tại nhà, có chính quyền địa phương và gia đình nhà chồng đến can thiệp. Năm 2016, bà phát hiện ông T ngoại tình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Võ Quốc T - sinh ngày 18/8/2001 và cháu Nguyễn Võ Hạnh T - sinh ngày 30/01/2005. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Võ Hạnh T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Nguyễn Võ Quốc T đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tạo lập 01 ngôi nhà cấp 3C gắn liền với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25 diện tích 149,6m<sup>2</sup> tại tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N được UBND huyện NH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho bà và ông T vào ngày 06/11/2013 (viết tắt là thửa 27); giá trị của thửa 27 là 800.000.000 đồng, giá trị ngôi nhà là 600.000.000 đồng, tổng giá trị nhà, đất là 1.400.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà yêu

cầu chia hai nhà, đất; bà đồng ý giao nhà, đất cho ông T quản lý, sở hữu, sử dụng và có trách nhiệm thanh toán  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản với số tiền 700.000.000 đồng cho bà. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà rút yêu cầu về phần chia tài sản.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ tài sản: Ngày 01/8/2019, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B (viết tắt là Công ty T B) có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 1.000.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà và ông T có thể chấp nhà, đất thuộc thửa 27. Số tiền nợ trên, không liên quan đến bà và bà không phải là thành viên của Công ty T B. Bà yêu cầu Công ty T B phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty T B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các khoản nợ khác của ông T và Công ty T B, nếu có cũng không liên quan đến bà.

*\* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn V T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà L. Nay, bà L yêu cầu được ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung như bà L trình bày là đúng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu Nguyễn Võ Hạnh T - sinh ngày 30/01/2005 cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Võ Quốc T - sinh ngày 18/8/2001 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, cháu muốn ở với ba hoặc mẹ tùy ý của cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Như bà L trình bày là đúng. Việc bà L xin rút yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung, ông không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Không có.

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A do ông Vũ T D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty T B có quan hệ vay vốn với Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF1921200337/HĐTDTHM ngày 01/8/2019, số tiền vay 1.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn mỗi khế ước nhận nợ là 9 tháng. Lãi suất vay trong hạn được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng từng thời kỳ.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1806600169/HĐTD-TDH ngày 9/3/2018, số tiền vay 375.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 9/3/2018 đến ngày 9/3/2023. Lãi suất 8,49%

trong 12 tháng đầu; lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 01 lần vào ngày đầu tiên mỗi quý theo công thức: Lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng bằng VNĐ + Biên độ lãi suất (3,5%/năm).

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25 tại tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N được UBND huyện NH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR043698, số vào sổ CH01460 cho ông T, bà L vào ngày 6/11/2013, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1503500069/HĐTC-QSDĐ ngày 05/02/2015, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/02/2015.

- Xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ELANTRA, màu trắng, số khung 41CAJN007938, số máy G4FGJU137292, biển kiểm soát 76A-070.98 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017638 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Q N cấp ngày 7/3/2018 đứng tên chủ sở hữu là Công ty T B theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1806600169/HĐTC-OTO ngày 9/3/2018, được đăng ký thế chấp ngày 10/3/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T B đã thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF1921200337/HĐTDTHM ngày 01/8/2019. Đối với hợp đồng tín dụng từng lần số REF1806600169/HĐTD-TDH ngày 09/3/2018, tính đến ngày 02/02/2021 Công ty T B còn nợ 163.835.616 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 162.500.000 đồng và tiền nợ lãi là 1.335.616 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Công ty T B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/02/2021 cho đến khi trả xong nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1806600169/HĐTD-TDH ngày 09/3/2018.

Trường hợp Công ty T B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án phát mại tài sản bảo đảm là nhà, đất thuộc thửa 27 và xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI, biển số 76A-07098 theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thu hồi nợ, đề nghị Công ty T B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B do ông Nguyễn V T là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Việc Công ty T B vay tiền, thế chấp tài sản và số tiền nợ như Ngân hàng trình bày là đúng, nhưng Công ty T B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vì Công ty T B không vi phạm nghĩa vụ theo cam kết tại hợp đồng; giữa Công ty T B và Ngân hàng chưa cùng nhau thương lượng giải quyết mà Ngân hàng lại có đơn khởi kiện là không thực hiện đúng thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Theo biên bản ngày 15/11/2019, ông đã cam kết nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, nhưng Ngân hàng lại khởi kiện tại Tòa án, gây mất uy tín và ảnh hưởng công việc làm ăn của Công ty.

*\* Bản án số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện NH đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H L và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị H L và ông Nguyễn V T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà L và ông T: Giao cháu Nguyễn Võ Hạnh T - sinh ngày 30/01/2005 cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Võ Quốc T - sinh ngày 18/8/2001 đã trên 18 tuổi, muốn ở với cha hoặc mẹ là tùy ý của cháu. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị H L về việc chia tài sản chung là căn nhà cấp 3C gắn liền với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25 tại tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N.

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A tổng số tiền 163.835.616 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 162.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.335.616 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/02/2021 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số REF1806600169/HĐTD-TDH ngày 09/3/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25 tại tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N và 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, màu trắng, số loại Elantra, số khung 41CAJN007938, số máy G4FGJU137292, biển kiểm soát 76A-07098 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1503500069/HĐTC-QSĐĐ ngày 05/02/2015 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1806600169/HĐTC-OTO ngày 09/3/2018 đã ký kết để thu hồi khoản nợ vay cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 05 và ngày 08/02/2021, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, xem xét giải quyết cho Công ty thực hiện theo đúng Hợp đồng tín dụng từng lần số REF180666000169/HĐTD-TDH ngày 09/3/2018 giữa Ngân hàng với Công ty đã ký kết.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 71, 72, 76, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B thực hiện trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là hợp lệ, được chấp nhận.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử hủy 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện NH về phần tranh chấp hợp đồng tín dụng theo yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ N A và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q N phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn là chưa đúng và đầy đủ, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân, con chung, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát có thẩm quyền không kháng nghị, nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng:

[3.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ N A (Seabank) yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng T B (Công ty T B) phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 805.226.713 đồng, trong đó theo hợp đồng

tín dụng hạn mức ngày 01/8/2019 là 548.976.713 đồng, hợp đồng tín dụng từng lần ngày 09/3/2018 là 256.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Công ty T B đã tắt toán xong khoản nợ của hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 01/8/2019, nên Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty T B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 163.835.616 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 162.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.335.616 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/02/2021 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần số REF1806600169/HĐTD-TDH ngày 09/3/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[4] Đại diện Công ty T B cho rằng, trước khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, Ngân hàng không thông báo cho Công ty T B để cùng nhau thỏa thuận, thương lượng về việc trả nợ là vi phạm thỏa thuận nêu trong hợp đồng tín dụng. Công ty T B vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ cho Ngân hàng, không vi phạm nghĩa vụ. Việc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ trước hạn làm ảnh hưởng đến uy tín và công việc làm ăn của công ty. Do đó, Công ty kháng cáo yêu cầu Tòa án xem xét cho công ty được thực hiện việc trả nợ theo đúng Hợp đồng tín dụng ngày 09/3/2018 mà các bên đã ký kết.

Xét kháng cáo của Công ty T B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Tại điểm m khoản 8.1 điều 8 phần B của hợp đồng tín dụng từng lần số REF1806600169/HĐTD-TDH ngày 09/3/2018 giữa Ngân hàng với Công ty T B quy định việc dừng thực hiện hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn khi: *Bên được cấp tín dụng (tức Công ty T B) và/ hoặc bên bảo đảm (nếu có) ly hôn và/hoặc phân chia tài sản bảo đảm (bao gồm cả phân chia tài sản trong hoặc sau thời kỳ hôn nhân)*. Do đó, khi anh T và chị L ly hôn, Ngân hàng Seabank có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản nợ vay chưa thanh toán của bên được cấp tín dụng.

Tuy nhiên, tại khoản 8.2, 8.3 quy định: *Khi xảy ra một hoặc nhiều tình huống tại điều này, thì bên được cấp tín dụng (tức Công ty T B) phải thông báo ngay cho Ngân hàng trong vòng 24 giờ. Seabank sẽ thông báo về việc không tiếp tục giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn cho bên được cấp tín dụng theo thông tin được cung cấp tại hợp đồng này. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm: Thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.*

Như vậy, hợp đồng các bên thỏa thuận khi xảy ra các trường hợp “Dừng thực hiện hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn” quy định tại Điều 8 của hợp đồng thì Công ty T B phải thông báo cho Seabank trong vòng 24 giờ và Seabank cũng phải thông báo cho Công ty T B về việc không tiếp tục giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Nếu quá thời hạn 10 ngày mà Công ty T B không thanh toán

đủ nợ vay như đã thông báo thì Seabank mới có quyền thực hiện các biện pháp thu hồi nợ trong đó có quyền khởi kiện ra Tòa án.

[4.2] Tại phiên tòa, ông T thừa nhận khi ông và bà L ly hôn, ông không thông báo cho Ngân hàng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo về việc thụ lý vụ án cho Ngân hàng biết về việc ông T và bà L ly hôn, chia tài sản chung (đại diện ngân hàng nhận ngày 21/10/2019). Ngày 25/10/2019, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T B phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 09/3/2018 khi chưa có thông báo cho Công ty T B biết là vi phạm thỏa thuận.

Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng khai rằng Ngân hàng có thông báo cho Công ty T B bằng điện thoại nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngược lại, Đại diện Công ty T B ông Nguyễn V T cũng không thừa nhận phía Ngân hàng có thông báo cho Công ty trước khi khởi kiện ra Tòa án nên lời trình bày phía đại diện Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận. Tại khoản 11.1 của hợp đồng tín dụng quy định: ... *Trường hợp một bên không thực hiện một hoặc nhiều nghĩa vụ của bên đó đã được ghi nhận trong hợp đồng này thì được hiểu là bên đó vi phạm hợp đồng này.*

[4.3] Từ những căn cứ trên, việc Ngân hàng chưa thông báo cho Công ty T B về việc dừng hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn mà khởi kiện yêu cầu Công ty T B phải trả nợ là vi phạm Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Căn cứ Điều 311, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy 1 phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Seabank.

Ngân hàng Seabank có quyền khởi kiện lại khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Về án phí: Công ty T B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí trích đo thửa đất 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), bà L đồng ý chịu và đã thanh toán xong. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A đồng ý chịu và đã thanh toán xong.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q N phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 157, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm



2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện NH về phần tranh chấp hợp đồng tín dụng theo yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ N A và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ N A có quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị H L và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị H L và ông Nguyễn Văn T: Giao cháu Nguyễn Võ Hạnh T - sinh ngày 30/01/2005 cho bà Võ Thị H L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Nguyễn V T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Võ Quốc T - sinh ngày 18/8/2001 đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn V T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 4 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị H L về việc chia tài sản chung là căn nhà cấp 3C gắn liền với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25 tại tổ dân phố Phú Vinh Trung, thị trấn C C, huyện NH, tỉnh Q N.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí trích đo thửa đất 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), bà L đồng ý chịu và đã thanh toán xong. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A đồng ý chịu và đã thanh toán xong.

5. Về án phí: Bà Võ Thị H L phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn. Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, tổng cộng là 8.300.000 đồng theo Biên lai số 004469 ngày 15/10/2019 và số 0004494 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện NH. Hoàn trả số tiền chênh lệch cho bà L là 8.150.000 đồng (*tám triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Ông Nguyễn V T phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ N A số tiền 18.078.400 đồng (*mười tám triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, bốn trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004500 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH.

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T B không phải án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0004705 ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh Q N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Q N;
- TAND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- UBND thị trấn C C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lương Văn Hùng**